Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 328/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định phòng, chống tin giả, tin sai sự thật

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 137/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh quốc gia số 32/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 30/2023/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13; Luật số 18/2017/QH14; Luật số 67/2020/QH14; Luật số 09/2022/QH15; Luật số 11/2022/QH15; Luật số 56/2024/QH15; Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 12/2017/QH14; Luật số 59/2024/QH15; Luật số 86/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15; Luật số 112/2025/QH15; Luật số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16;

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14; Luật số 42/2024/QH15; Luật số 47/2024/QH15; Luật số 75/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 21/2023/QH15; Luật số 30/2023/QH15; Luật số 38/2024/QH15; Luật số 52/2024/QH15; Luật số 86/2025/QH15; Luật số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tình trạng khẩn cấp số 104/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phân loại tin giả, tin sai sự thật, nguyên tắc, quản lý nhà nước, hợp tác quốc tế phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

2. Quy trình xử lý tin giả, tin sai sự thật; một số biện pháp phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam.

2. Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam.

3. Tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài có hoạt động tại Việt Nam, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam; tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ Internet, mạng xã hội và thông tin xuyên biên giới hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam hoặc cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân Việt Nam.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến vi phạm pháp luật về tin giả, tin sai sự thật ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Tin giả, tin sai sự thật là thông tin không có thật hoặc có một phần sự thật xâm hại đến an ninh, uy tín, hình ảnh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức gồm các loại thông tin: Thông tin giả, thông tin sai sự thật, thông tin sai lệch, thông tin giả mạo, thông tin bịa đặt, thông tin vu khống, thông tin xuyên tạc.

2. Thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật là thông tin có thể là tin giả, tin sai sự thật.

3. Công bố tin giả, tin sai sự thật là công khai thông tin xác nhận là tin giả, tin sai sự thật, danh tính cá nhân, tổ chức phát ngôn, làm, lưu trữ, tàng trữ, đăng tải, phát tán, chia sẻ, bình luận tin giả, tin sai sự thật.

4. Gắn nhãn tin giả, tin sai sự thật là việc cơ quan có thẩm quyền thực hiện đánh dấu, hiển thị cảnh báo bằng ký hiệu, biểu tượng hoặc thể hiện dòng chữ "TIN GIẢ, TIN SAI SỰ THẬT" đối với nội dung thông tin đó.

5. Phòng, chống tin giả, tin sai sự thật là tổng hợp các hoạt động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, gỡ bỏ, kiểm tra và xử lý tin giả, tin sai sự thật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; kết hợp với việc thực hiện quyền, trách nhiệm giám sát, tố giác và hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

6. Nạn nhân của tin giả, tin sai sự thật là cá nhân bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác do tin giả, tin sai sự thật gây ra.

7. Tổ chức bị ảnh hưởng bởi tin giả, tin sai sự thật là tổ chức bị xâm hại do tin giả, tin sai sự thật.

Điều 4. Phân loại tin giả, tin sai sự thật

1. Phân loại theo độ nguy hại gồm:

a) Tin giả, tin sai sự thật gây hậu quả hoặc có nguy cơ gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng gồm các thông tin tác động tiêu cực trên quy mô lớn đến an ninh quốc gia, quốc phòng, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội; xâm hại đến uy tín của Đảng, Nhà nước; uy tín, danh dự của lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước; hoặc có khả năng gây khủng hoảng truyền thông, kích động bạo loạn, gây hoang mang sâu sắc trong dư luận xã hội;

b) Tin giả, tin sai sự thật nguy hại bao gồm thông tin tác động trong phạm vi hẹp, xâm hại trực tiếp đến uy tín, danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân cụ thể.

2. Phân loại theo pháp luật về tiếp cận thông tin gồm:

a) Tin giả, tin sai sự thật có chứa thông tin công dân không được tiếp cận;

b) Tin giả, tin sai sự thật có chứa thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện;

c) Tin giả, tin sai sự thật có chứa thông tin công dân được tiếp cận.

Điều 5. Nguyên tắc phòng, chống tin giả, tin sai sự thật

1. Tuân thủ quy định của pháp luật; tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Chủ động phòng ngừa; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật về tin giả, tin sai sự thật.

3. Bảo đảm công khai, minh bạch.

4. Bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

5. Quy trình xử lý tin giả, tin sai sự thật được quy định tại Nghị định này không điều chỉnh tin giả, tin sai sự thật trong các trường hợp:

a) Tin giả, tin sai sự thật đang trong quá trình điều tra, xét xử;

b) Tin giả, tin sai sự thật đã có kết luận từ cơ quan có thẩm quyền hoặc được công bố từ trước;

c) Tin giả, tin sai sự thật đang được các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật khác.

6. Bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng.

Điều 6. Quản lý nhà nước về phòng, chống tin giả, tin sai sự thật

1. Xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

2. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

3. Xây dựng các nội dung và tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

4. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về xử lý tin giả, tin sai sự thật.

5. Hợp tác quốc tế trong phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

Điều 7. Hợp tác quốc tế trong phòng, chống tin giả, tin sai sự thật

1. Xây dựng cơ chế hợp tác quốc tế để thực thi có hiệu quả pháp luật Việt Nam về phòng, chống tin giả, tin sai sự thật với các quốc gia, tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.

2. Tham gia tương trợ tư pháp về phòng, chống tin giả, tin sai sự thật với quốc gia khác theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp.

3. Hợp tác quốc tế trong phòng ngừa, đấu tranh với tin giả, tin sai sự thật; yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp mạng xã hội, cung cấp thông tin xuyên biên giới có hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam hoặc cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân Việt Nam chấp hành pháp luật về phòng, chống tin giả, tin sai sự thật của Việt Nam.

4. Đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ trong phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

5. Trao đổi kinh nghiệm xây dựng và thực hiện pháp luật trong phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

Chương II

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG TIN GIẢ, TIN SAI SỰ THẬT

Điều 8. Quy trình xử lý tin giả, tin sai sự thật

1. Phát hiện thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật:

a) Phát hiện thông qua cá nhân, cơ quan, tổ chức phản ánh, tố giác tin giả, tin sai sự thật;

b) Phát hiện thông qua cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện giám sát, rà soát, kiểm soát thông tin trong phòng, chống tin giả, tin sai sự thật;

c) Phát hiện thông qua rà soát, cảnh báo của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp mạng xã hội, cung cấp dịch vụ thông tin xuyên biên giới hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam;

d) Phát hiện thông qua việc các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp chuyển yêu cầu đến cơ quan chức năng có thẩm quyền kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật;

đ) Phát hiện thông qua yêu cầu kiểm chứng, xác minh, làm rõ của nạn nhân, tổ chức bị ảnh hưởng do thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật.

2. Kiểm chứng, xác minh, làm rõ thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật.

3. Gắn nhãn tin giả, tin sai sự thật: Sau khi kết luận thông tin là tin giả, tin sai sự thật, đơn vị trực tiếp kiểm chứng gắn nhãn tin giả, tin sai sự thật.

4. Công bố, cảnh báo tin giả, tin sai sự thật: Cơ quan, đơn vị trực tiếp kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật công bố, cảnh báo thông tin phải tuân thủ pháp luật về tiếp cận thông tin.

5. Ngăn chặn, gỡ bỏ tin giả, tin sai sự thật.

6. Áp dụng các hình thức xử lý.

Điều 9. Kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật

1. Cơ quan chức năng có thẩm quyền kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật gồm: các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp kiểm chứng thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 của Nghị định này. Trường hợp trong quá trình kiểm chứng thông tin có dấu hiệu tội phạm thì chuyển thông tin, vụ việc

cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự hiện hành.

2. Kiểm chứng, xác minh, làm rõ thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật:

a) Phân loại tin giả, tin sai sự thật: Cơ quan phát hiện, tiếp nhận thông tin tiến hành phân loại thông tin theo khoản 1 và khoản 2 Điều 4 của Nghị định này để tiến hành kiểm chứng hoặc chuyển cho các cơ quan, đơn vị chức năng theo thẩm quyền quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 của Nghị định này. Cơ quan chức năng có thẩm quyền ưu tiên kiểm chứng, xác minh, làm rõ thông tin thuộc điểm a khoản 1 Điều 4 của Nghị định này sau khi phân loại;

b) Xác minh thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật:

Xác định danh tính cá nhân, tổ chức phát ngôn, làm, lưu trữ, tàng trữ, cung cấp, đăng tải, phát tán, chia sẻ, bình luận tin giả, tin sai sự thật. Trường hợp các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp không xác định được danh tính thì phối hợp với Bộ Công an tiến hành xác định danh tính cá nhân, tổ chức phát ngôn, làm, lưu trữ, tàng trữ, cung cấp, đăng tải, phát tán, chia sẻ, bình luận tin giả, tin sai sự thật;

Trong quá trình xác minh có dấu hiệu tội phạm thì chuyển cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự hiện hành;

c) Kết luận kiểm chứng thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật: Xác thực thông tin là tin giả, tin sai sự thật; thông tin không phải là tin giả, tin sai sự thật; thông tin không có điều kiện xác thực;

d) Kết luận cá nhân, tổ chức phát ngôn, làm, lưu trữ, tàng trữ, cung cấp, đăng tải, phát tán, chia sẻ, bình luận tin giả, tin sai sự thật và mức độ vi phạm.

3. Trạng thái thông tin trong quá trình kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật như sau:

a) Trong thời gian kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật, cơ quan, đơn vị trực tiếp kiểm chứng, xác minh, làm rõ thể hiện trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị trực tiếp kiểm chứng là "Đang xử lý";

b) Sau khi hoàn thành kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật, cơ quan tiến hành thể hiện trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị trực tiếp kiểm chứng "Đã hoàn thành xử lý".

Điều 10. Gắn nhãn tin giả, tin sai sự thật

1. Cơ quan, đơn vị trực tiếp kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật có trách nhiệm phải gắn nhãn tin giả, tin sai sự thật trừ trường hợp

thông tin thuộc điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định này và các thông tin được quy định theo pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp gắn nhãn tin giả, tin sai sự thật gồm:

a) Thông tin xác thực là tin giả, tin sai sự thật thuộc điểm c khoản 2 Điều 4 của Nghị định này;

b) Thông tin xác thực là tin giả, tin sai sự thật thuộc điểm b khoản 2 Điều 4 của Nghị định này và tuân thủ pháp luật về tiếp cận thông tin;

c) Tin giả, tin sai sự thật do hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo ra chưa được gắn nhãn tin giả, tin sai sự thật.

3. Hình thức gắn nhãn tin giả, tin sai sự thật là đánh dấu, hiển thị cảnh báo bằng ký hiệu, biểu tượng hoặc thể hiện dòng chữ "TIN GIẢ, TIN SAI SỰ THẬT" đối với thông tin được xác thực là tin giả, tin sai sự thật.

4. Quy trình gắn nhãn gồm các bước:

a) Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật kết luận thông tin là tin giả, tin sai sự thật phải gắn nhãn;

b) Tin giả, tin sai sự thật sau khi được gắn nhãn, cơ quan chức năng có thẩm quyền yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp mạng xã hội, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp thông tin xuyên biên giới có hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam hoặc cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện rà soát thông tin đã gắn nhãn đối với các thông tin tương tự xuất hiện trên nền tảng của mình để ngăn chặn, gỡ bỏ, cảnh báo;

c) Đối với các tin giả, tin sai sự thật sau khi xác thực là tin giả, tin sai sự thật thuộc điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định này thì không thực hiện gắn nhãn nhưng cơ quan chức năng có thẩm quyền xét thấy cần phải gỡ bỏ, ngăn chặn nhằm bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng, lợi ích của Nhà nước, an ninh, quốc phòng, đối ngoại thì phải yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp mạng xã hội, cung cấp thông tin xuyên biên giới gỡ bỏ, ngăn chặn, không cho phép đăng tải, chia sẻ, phát tán các thông tin đó.

5. Gỡ bỏ gắn nhãn trong trường hợp sau:

a) Có kết luận của cơ quan chức năng có thẩm quyền khẳng định gắn nhãn sai;

b) Thông tin bị gắn nhãn đến thời điểm xem xét không phải tin giả, tin sai sự thật;

c) Thông tin bị gắn nhãn qua thanh tra, kiểm tra xác định là gắn nhãn sai.

Điều 11. Công bố, cảnh báo tin giả, tin sai sự thật

1. Việc công bố, cảnh báo tin giả, tin sai sự thật được tiến hành sau khi kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật và xác thực thông tin là tin giả, tin sai sự thật.

2. Nội dung công bố, cảnh báo gồm:

a) Công bố, cảnh báo thông tin là tin giả, tin sai sự thật sau khi gắn nhãn tin giả, tin sai sự thật đối với thông tin thuộc điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị định này. Đối với thông tin thuộc điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định này thì việc công bố phải tuân thủ pháp luật về tiếp cận thông tin;

b) Trường hợp không công bố nhưng cảnh báo để cá nhân, tổ chức thận trọng hoặc không được sử dụng, đăng tải, phát tán thông tin gồm:

Trường hợp kết luận thông tin không có điều kiện xác thực;

Trường hợp xác thực là tin giả, tin sai sự thật thuộc điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định này;

c) Không công bố, cảnh báo nhưng áp dụng ngăn chặn, gỡ bỏ đối với tin giả, tin sai sự thật thuộc điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định này;

d) Công bố danh tính cá nhân, tổ chức phát ngôn, làm, lưu trữ, tàng trữ, cung cấp, đăng tải, phát tán, chia sẻ, bình luận tin giả, tin sai sự thật sau khi có kết luận kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật phải tuân thủ pháp luật về tiếp cận thông tin, trừ trường hợp pháp luật liên quan có quy định khác.

3. Cơ quan chức năng có thẩm quyền căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả thiệt hại từ tin giả, tin sai sự thật để công bố, cảnh báo tin giả, tin sai sự thật thông qua các hình thức sau:

a) Gửi đến khu dân cư nơi cá nhân, tổ chức phát ngôn, làm, lưu trữ, tàng trữ, đăng tải, phát tán, chia sẻ, bình luận tin giả, tin sai sự thật và khu dân cư nơi bị ảnh hưởng bởi tin giả, tin sai sự thật để công bố, cảnh báo;

b) Gửi đến cơ quan, tổ chức nơi cá nhân làm việc và cơ quan, tổ chức nơi bị ảnh hưởng bởi tin giả, tin sai sự thật để công bố, cảnh báo;

c) Công bố, cảnh báo tin giả, tin sai sự thật trên trang, cổng thông tin hoặc ứng dụng công khai của cơ quan, đơn vị;

d) Công bố, cảnh báo trên cổng thông tin điện tử của các cơ quan chức năng có thẩm quyền trực tiếp kiểm chứng;

đ) Công bố, cảnh báo trên các phương tiện truyền thông đại chúng;

e) Công bố, cảnh báo chính thức cấp nhà nước.

4. Thời gian công bố, cảnh báo tin giả, tin sai sự thật:

a) Đối với tin giả, tin sai sự thật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này, cơ quan chức năng có thẩm quyền phải tiến hành công bố ngay sau khi gắn nhãn;

b) Đối với tin giả, tin sai sự thật tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định này thì tiến hành công bố, cảnh báo trong thời hạn 12 giờ làm việc kể từ khi được gắn nhãn.

Điều 12. Ngăn chặn, gỡ bỏ tin giả, tin sai sự thật

1. Các cơ quan có thẩm quyền được tiến hành các biện pháp theo quy định của pháp luật để ngăn chặn hoặc yêu cầu các cá nhân, tổ chức liên quan ngăn chặn, gỡ bỏ tin giả, tin sai sự thật sau khi kết luận tin giả, tin sai sự thật.

2. Các cơ quan báo chí, truyền thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp mạng xã hội, tổ chức doanh nghiệp cung cấp thông tin xuyên biên giới có hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam hoặc cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân Việt Nam có trách nhiệm ngăn chặn, không cho phép đăng tải hoặc gỡ bỏ tin giả, tin sai sự thật sau khi được cơ quan chức năng có thẩm quyền gắn nhãn, thông báo, công bố tin giả, tin sai sự thật hoặc yêu cầu gỡ bỏ, ngăn chặn theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Tin báo, tố giác, phản ánh tin giả, tin sai sự thật

1. Việc xử lý tin báo, tố giác, phản ánh tin giả, tin sai sự thật được thực hiện như sau:

a) Tin báo, tố giác, phản ánh tin giả, tin sai sự thật có dấu hiệu tội phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật hình sự và các quy định liên quan;

b) Tin báo, tố giác, phản ánh tin giả, tin sai sự thật khác không thuộc điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định này thì được xử lý theo quy trình xử lý tin giả, tin sai sự thật.

2. Việc báo tin, tố giác, phản ánh thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật được thực hiện thông qua liên hệ trực tiếp, đường dây nóng; qua cổng thông tin điện tử của các cơ quan, bộ, ban, ngành; qua ứng dụng VNeID hoặc gửi văn bản đến các cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật.

3. Các cá nhân, cơ quan, tổ chức khi phát hiện tin giả, tin sai sự thật có trách nhiệm thông báo với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để giải quyết, xử lý theo quy trình xử lý tin giả, tin sai sự thật.

4. Các cơ quan chức năng có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý nguồn tin theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp phát hiện cá nhân, cơ quan, tổ chức lợi dụng việc báo tin, tố giác tin giả, tin sai sự thật để thực hiện hành vi nghiêm cấm theo quy định

của Luật Tiếp công dân thì cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Bảo quản và cung cấp tài liệu làm căn cứ kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp sau khi kiểm chứng, xác minh, làm rõ, gắn nhãn, công bố, cảnh báo, xử lý tin giả, tin sai sự thật gửi kết quả về Bộ Công an để tập hợp, theo dõi.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp bảo quản các tài liệu xác định tin giả, tin sai sự thật và cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp cần thiết để phục vụ xử lý tin giả, tin sai sự thật.

3. Các cá nhân, cơ quan, tổ chức khi khiếu nại, tố cáo về xử lý tin giả, tin sai sự thật hoặc có liên quan đến việc xử lý tin giả, tin sai sự thật phải cung cấp tài liệu và các thông tin liên quan làm căn cứ kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật cho cơ quan chức năng có thẩm quyền khi có yêu cầu.

Điều 15. Rà soát, phát hiện thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật

Cơ quan chức năng có thẩm quyền được quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 của Nghị định này thực hiện:

1. Rà soát, phát hiện trên không gian mạng, mạng xã hội, các dịch vụ, ứng dụng cung cấp thông tin trên không gian mạng.

2. Rà soát, phát hiện hoạt động thông tin, truyền thông trên các lĩnh vực báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, quảng cáo.

3. Tổ chức giám sát, rà soát, kiểm tra hoạt động thông tin, truyền thông trên các lĩnh vực khác.

4. Tổ chức rà soát, phát hiện thông qua thiết lập cơ chế tiếp nhận phản ánh của người dân về thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật thông qua đường dây nóng, cổng thông tin điện tử hoặc ứng dụng số.

5. Rà soát, phát hiện theo phạm vi, địa bàn, lĩnh vực quản lý.

Điều 16. Thanh tra, kiểm tra phòng, chống tin giả, tin sai sự thật

1. Bộ Công an chịu trách nhiệm chung trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra phòng, chống tin giả, tin sai sự thật của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp bao gồm kiểm chứng, công bố, cảnh báo tin giả, tin sai sự thật, gắn nhãn tin giả, tin sai sự thật và các hoạt động khác trong phòng, chống tin giả, tin sai sự thật trong phạm vi Nghị định này.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thanh tra, kiểm tra phòng, chống tin giả, tin sai sự thật trong phạm vi, địa bàn, lĩnh vực

quản lý; phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Công an thanh tra, kiểm tra phòng, chống tin giả, tin sai sự thật trong phạm vi Nghị định này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM, THẨM QUYỀN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG TIN GIẢ, TIN SAI SỰ THẬT

Điều 17. Trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ Công an

1. Giúp Chính phủ quản lý nhà nước về phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

2. Tham mưu với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các quy định pháp luật về phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

3. Điều phối, hướng dẫn, hỗ trợ, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp kết nối, liên thông, cập nhật, bổ sung, liên kết dữ liệu phòng, chống tin giả, tin sai sự thật về Bộ Công an.

4. Tuyên truyền, cảnh báo, nhận diện các phương thức, thủ đoạn vi phạm pháp luật, phổ biến kỹ năng phát hiện, kỹ năng kiểm chứng, xử lý và kết quả xử lý tin giả, tin sai sự thật.

5. Hướng dẫn thực hiện phòng, chống tin giả, tin sai sự thật:

a) Hướng dẫn các cơ quan, ban, ngành, tổ chức phòng, chống tin giả, tin sai sự thật;

b) Hướng dẫn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp mạng xã hội, cung cấp thông tin xuyên biên giới hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam hoặc cung cấp dịch vụ cho cá nhân, tổ chức Việt Nam trong việc xác minh, ngăn chặn, gỡ bỏ tin giả, tin sai sự thật theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan;

c) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền áp dụng các biện pháp phòng, chống tin giả, tin sai sự thật;

d) Hướng dẫn, hỗ trợ pháp lý cho cá nhân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi tin giả, tin sai sự thật nhằm bảo vệ danh dự, uy tín và quyền, lợi ích hợp pháp;

đ) Hướng dẫn việc áp dụng các hình thức xử lý các cá nhân, tổ chức phát ngôn, làm, lưu trữ, tàng trữ, cung cấp, đăng tải, phát tán, chia sẻ, bình luận tin giả, tin sai sự thật;

e) Chỉ đạo các đơn vị trong Bộ Công an tuyên truyền, phổ biến pháp luật phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

6. Tổ chức rà soát, phát hiện thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật.

7. Giám sát hoạt động phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

8. Thanh tra, kiểm tra công tác phòng, chống tin giả, tin sai sự thật của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi của Nghị định này.

9. Tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác, phản ánh tin giả, tin sai sự thật.

10. Kiểm chứng, xác minh, làm rõ thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật trên lĩnh vực an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội hoặc thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý nhà nước của từ 02 bộ, cơ quan ngang bộ trở lên hoặc 02 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên hoặc các cơ quan, đơn vị khác trong hệ thống chính trị ngoài hệ thống cơ quan hành chính nhà nước.

11. Gắn nhãn tin giả, tin sai sự thật đối với các thông tin do Bộ Công an trực tiếp kiểm chứng, xác minh, làm rõ thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật.

12. Công bố, cảnh báo tin giả, tin sai sự thật gồm:

a) Trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an, ứng dụng VNeID và các kênh, trang truyền thông phục vụ công tác phòng, chống tin giả, tin sai sự thật;

b) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức công bố, cảnh báo rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng đối với tin giả, tin sai sự thật có nguy cơ gây khủng hoảng truyền thông, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, trật tự quản lý kinh tế;

c) Phối hợp với Bộ Ngoại giao để công bố chính thức cấp nhà nước đối với tin giả, tin sai sự thật ảnh hưởng đến chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về đối ngoại, các vấn đề quốc tế và quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam và các đối tác;

d) Phối hợp với khu dân cư nơi cá nhân, tổ chức phát ngôn, làm, lưu trữ, tàng trữ, đăng tải, phát tán, chia sẻ, bình luận tin giả, tin sai sự thật và khu dân cư nơi bị ảnh hưởng bởi tin giả, tin sai sự thật để công bố, cảnh báo;

đ) Phối hợp với cơ quan, tổ chức nơi cá nhân phát ngôn, làm, lưu trữ, tàng trữ, đăng tải, phát tán, chia sẻ, bình luận tin giả, tin sai sự thật làm việc và cơ quan, tổ chức nơi bị ảnh hưởng bởi tin giả, tin sai sự thật để công bố, cảnh báo.

13. Tổ chức các biện pháp ngăn chặn, gỡ bỏ tin giả, tin sai sự thật.

14. Yêu cầu cá nhân, tổ chức có liên quan đến tin giả, tin sai sự thật phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin để kiểm chứng, xác minh, làm rõ, ngăn chặn, gỡ bỏ tin giả, tin sai sự thật.

15. Xử lý tin giả, tin sai sự thật với các trường hợp Bộ Công an trực tiếp tiến hành kiểm chứng, xác minh, làm rõ và các trường hợp các bộ, cơ quan ngang bộ không có thẩm quyền xử lý.

16. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

17. Điều phối chung việc tổ chức phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

18. Bảo đảm nguồn kinh phí, điều kiện đảm bảo thực hiện phòng, chống tin giả, tin sai sự thật của Bộ Công an.

Điều 18. Trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Chủ trì tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực được Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước.

2. Tuyên truyền, cảnh báo, nhận diện các phương thức, thủ đoạn vi phạm pháp luật, phổ biến kỹ năng phát hiện, kỹ năng kiểm chứng, xử lý và kết quả xử lý tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực được Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước.

3. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp mạng xã hội, cung cấp thông tin xuyên biên giới hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam hoặc cung cấp cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện phòng, chống tin giả, tin sai sự thật:

a) Hướng dẫn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp mạng xã hội, cung cấp thông tin xuyên biên giới hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam hoặc cung cấp cho tổ chức, cá nhân Việt Nam trong việc xác minh, ngăn chặn, gỡ bỏ tin giả, tin sai sự thật theo quy định pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan;

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện: áp dụng các biện pháp phòng, chống tin giả, tin sai sự thật; hỗ trợ pháp lý cho cá nhân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi tin giả, tin sai sự thật nhằm bảo vệ danh dự, uy tín và quyền lợi hợp pháp; áp dụng các hình thức xử lý các cá nhân, tổ chức phát ngôn, làm, lưu trữ, tàng trữ, cung cấp, đăng tải, phát tán, chia sẻ, bình luận tin giả, tin sai sự thật.

4. Tiếp nhận tin báo, tố giác, phản ánh tin giả, tin sai sự thật và chuyển cho các đơn vị chức năng khác xử lý trong trường hợp thông tin có dấu hiệu tin giả, tin sai sự thật liên quan đến các lĩnh vực khác hoặc trường hợp có dấu

hiệu tội phạm thì chuyển cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành.

5. Tổ chức rà soát, phát hiện thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật trên lĩnh vực được Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước.

6. Giám sát phòng, chống tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước.

7. Kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước. Trường hợp có dấu hiệu tội phạm chuyển cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành.

8. Gắn nhãn tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước.

9. Công bố, cảnh báo tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước.

10. Xử lý tin giả, tin sai sự thật theo thẩm quyền. Trường hợp không có thẩm quyền xử lý thì chuyển các cơ quan khác có thẩm quyền hoặc Bộ Công an để xử lý.

11. Phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Công an tổ chức phòng, chống tin giả, tin sai sự thật theo quy định của pháp luật.

12. Bảo đảm nguồn kinh phí, điều kiện đảm bảo thực hiện phòng, chống tin giả, tin sai sự thật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 19. Trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

2. Tuyên truyền, cảnh báo, nhận diện các phương thức, thủ đoạn vi phạm pháp luật, phổ biến kỹ năng phát hiện, kỹ năng kiểm chứng, xử lý và kết quả xử lý tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

3. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện phòng, chống tin giả, tin sai sự thật áp dụng các biện pháp phòng, chống tin giả, tin sai sự thật; hỗ trợ pháp lý cho cá nhân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi tin giả, tin sai sự thật nhằm bảo vệ danh dự, uy tín và quyền lợi hợp pháp; áp dụng các hình thức xử lý các cá nhân, tổ chức phát ngôn, làm, lưu trữ, tàng trữ, cung cấp, đăng tải, phát tán, chia sẻ, bình luận tin giả, tin sai sự thật.

4. Tổ chức rà soát, phát hiện thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

5. Phòng, chống tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

6. Kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng thuộc thẩm quyền của Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật.

7. Gắn nhãn, công bố, cảnh báo tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

8. Tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác, phản ánh tin giả, tin sai sự thật và khiếu nại, tố cáo về xử lý tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng hoặc chuyển cho các đơn vị chức năng khác trong trường hợp thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật liên quan đến các lĩnh vực khác.

9. Xử lý tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng thuộc thẩm quyền của Bộ Quốc phòng.

10. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng trực thuộc phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng của Bộ Công an tổ chức các biện pháp phòng, chống tin giả, tin sai sự thật theo quy định của pháp luật.

11. Yêu cầu cá nhân, tổ chức có liên quan đến tin giả, tin sai sự thật phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin để kiểm chứng, xác minh, làm rõ, ngăn chặn, gỡ bỏ tin giả, tin sai sự thật trong phạm vi thuộc thẩm quyền của Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật.

12. Thanh tra, kiểm tra phòng, chống tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

13. Bảo đảm nguồn kinh phí, điều kiện đảm bảo thực hiện phòng, chống tin giả, tin sai sự thật của Bộ Quốc phòng theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ Ngoại giao

1. Chủ trì tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực được Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước.

2. Tuyên truyền, cảnh báo, nhận diện các phương thức, thủ đoạn vi phạm pháp luật, phổ biến kỹ năng phát hiện, kỹ năng kiểm chứng, xử lý và kết quả xử lý tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực được Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước.

3. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao thực hiện phòng, chống tin giả, tin sai sự thật áp dụng các biện pháp phòng, chống tin giả, tin sai sự thật; hỗ trợ pháp lý cho cá nhân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi tin giả, tin sai sự thật nhằm bảo vệ danh dự, uy tín và quyền lợi hợp pháp; áp dụng các hình thức xử lý các cá nhân, tổ chức phát ngôn, làm, lưu trữ, tàng trữ, cung cấp, đăng tải, phát tán, chia sẻ, bình luận tin giả, tin sai sự thật.

4. Tổ chức rà soát, phát hiện thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật trên lĩnh vực được Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước.

5. Tiếp nhận tin báo, tố giác, phản ánh tin giả, tin sai sự thật và chuyển cho các đơn vị chức năng khác xử lý trong trường hợp thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật liên quan đến các lĩnh vực khác hoặc trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì chuyển cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành.

6. Giám sát phòng, chống tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước.

7. Kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước. Trường hợp có dấu hiệu tội phạm chuyển cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành.

8. Gắn nhãn tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước.

9. Công bố, cảnh báo tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước; chủ trì công bố chính thức cấp nhà nước đối với tin giả, tin sai sự thật ảnh hưởng đến chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về đối ngoại, các vấn đề quốc tế và quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam và các đối tác.

10. Xử lý tin giả, tin sai sự thật theo thẩm quyền. Trường hợp không có thẩm quyền xử lý thì chuyển các cơ quan khác có thẩm quyền hoặc Bộ Công an để xử lý.

11. Phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Công an tổ chức phòng, chống tin giả, tin sai sự thật theo quy định của pháp luật.

12. Bảo đảm nguồn kinh phí, điều kiện đảm bảo thực hiện phòng, chống tin giả, tin sai sự thật của Bộ Ngoại giao theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm, thẩm quyền của các bộ, cơ quan ngang bộ khác, Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ trì tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực, địa bàn được Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước.

2. Tuyên truyền, cảnh báo, nhận diện các phương thức, thủ đoạn vi phạm pháp luật, phổ biến kỹ năng phát hiện, kỹ năng kiểm chứng, xử lý và kết quả xử lý tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực được Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước.

3. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện phòng, chống tin giả, tin sai sự thật áp dụng các biện pháp phòng, chống tin giả, tin sai sự thật;

hỗ trợ pháp lý cho cá nhân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi tin giả, tin sai sự thật nhằm bảo vệ danh dự, uy tín và quyền lợi hợp pháp; áp dụng các hình thức xử lý các cá nhân, tổ chức phát ngôn, làm, lưu trữ, tàng trữ, cung cấp, đăng tải, phát tán, chia sẻ, bình luận tin giả, tin sai sự thật.

4. Tiếp nhận tin báo, tố giác, phản ánh tin giả, tin sai sự thật và chuyển cho các đơn vị chức năng khác xử lý trong trường hợp thông tin có dấu hiệu tin giả, tin sai sự thật liên quan đến các lĩnh vực khác hoặc trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì chuyển cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành.

5. Tổ chức rà soát, phát hiện thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật trên lĩnh vực được Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước.

6. Giám sát phòng, chống tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước; thanh tra, kiểm tra phòng, chống tin giả, tin sai sự thật theo thẩm quyền đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong phạm vi quản lý.

7. Kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước. Trường hợp có dấu hiệu tội phạm chuyển cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành.

8. Gắn nhãn tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước.

9. Công bố, cảnh báo tin giả, tin sai sự thật trên lĩnh vực, địa bàn Nhà nước giao thẩm quyền quản lý nhà nước.

10. Xử lý tin giả, tin sai sự thật theo thẩm quyền. Trường hợp không có thẩm quyền xử lý thì chuyển các cơ quan khác có thẩm quyền hoặc Bộ Công an để xử lý.

11. Phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Công an tổ chức các biện pháp phòng, chống tin giả, tin sai sự thật theo quy định của pháp luật.

12. Bảo đảm nguồn kinh phí, điều kiện đảm bảo thực hiện phòng, chống tin giả, tin sai sự thật của đơn vị mình theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 22. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức

1. Các cá nhân, tổ chức thuộc Điều 2 của Nghị định này trừ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp mạng xã hội, cung cấp thông tin xuyên biên giới có hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam hoặc cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân Việt Nam có trách nhiệm:

a) Tuân thủ pháp luật về phòng, chống tin giả, tin sai sự thật và các quy định liên quan;

b) Phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin với các đơn vị chức năng của Bộ Công an và các cơ quan có thẩm quyền khác tổ chức các mặt công tác phòng, chống tin giả, tin sai sự thật;

c) Tố giác tin giả, tin sai sự thật với các cơ quan có thẩm quyền.

2. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp mạng xã hội, cung cấp thông tin xuyên biên giới có hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam hoặc cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân Việt Nam có trách nhiệm sau đây:

a) Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống tin giả, tin sai sự thật;

b) Bảo đảm an ninh, an toàn hoạt động thông tin, truyền thông;

c) Tổ chức các biện pháp kiểm soát để phòng, chống tin giả, tin sai sự thật gồm:

Thiết lập các biện pháp để phát hiện, ngăn chặn, gỡ bỏ tin giả, tin sai sự thật sau khi đã gắn nhãn tin giả, tin sai sự thật theo quy định của Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 và pháp luật có liên quan;

Thiết lập cơ chế báo cáo vi phạm cho người dùng, không cho phép đăng tải, phát tán, chia sẻ thông tin khi thông tin đã được cơ quan chức năng xác thực tin giả, tin sai sự thật.

d) Kịp thời phối hợp, trao đổi, cung cấp đầy đủ thông tin theo đề nghị của các đơn vị chức năng của Bộ Công an và các cơ quan có thẩm quyền khác để tổ chức các biện pháp phòng, chống tin giả, tin sai sự thật;

đ) Thiết lập đầu mối phối hợp 24/7 với cơ quan chức năng của Bộ Công an và các cơ quan có thẩm quyền khác để tiếp nhận yêu cầu gắn nhãn, công bố, cảnh báo, ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin sau khi được xác thực là tin giả, tin sai sự thật hoặc khóa tạm thời hoặc vĩnh viễn các tài khoản mạng xã hội, trang cộng đồng, kênh nội dung tin giả, tin sai sự thật hoặc ngăn chặn, gỡ bỏ các ứng dụng tin giả, tin sai sự thật thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b). 14

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Gia Túc

tinnv3 - 05/10/2026 10:00:07 - tinnv3 - tinnv3